

Ổ CẮM ÂM SÀN



R6892
Ổ ĐÔI 3 CHẤU
3 pin double
socket
745.000



R6893
Ổ ĐƠN 3 CHẤU
Ổ ĐƠN 2 CHẤU
3 pin single
socket & 2 pin
single socket
720.000



R6894TV
Ổ ĐƠN 3 CHẤU
HẠT TIVI
3 pin single
socket &
television socket
720.000



R6894DT
Ổ ĐƠN 3 CHẤU
HẠT ĐIỆN
THOẠI
3 pin single
socket &
telephone socket
720.000



R6894VT
Ổ ĐƠN 3 CHẤU
HẠT MẠNG
3 pin single
socket &
computer socket
740.000



R6895
Ổ ĐƠN 2 CHẤU
HẠT MẠNG
HẠT ĐIỆN THOẠI
2 pin single socket
computer socket
& telephone socket
790.000



R6896
Ổ ĐƠN 2 CHẤU
HẠT TIVI
HẠT ĐIỆN THOẠI
2 pin single socket
television socket
telephone socket
760.000



R6897
HẠT ĐIỆN THOẠI
HẠT TIVI
HẠT MẠNG
telephone socket
television socket
computer socket
708.000



Dòng ổ cắm
âm sàn mặt
tròn với dây
dù phụ kiện
đi kèm cũng
đem lại cho
bạn sự lựa
chọn hoàn
hảo



MĂNG ĐÈN TÂN QUANG

MĂNG ĐÈN ẨM TRẦN TÂN QUANG ANG (Dùng cho loại trần thả)

	MÃ SỐ	SỐ BÓNG X CÔNG XUẤT	KÍCH THƯỚC (MM)			ĐƠN GIÁ
			L	W	H	
Máng 60	R218ANG	2 X 18/20	605	302	95	899.000
	R318ANG	3 X 18/20	605	605	95	930.000
	R418ANG	4 X 18/20	605	605	95	1.090.000
Máng 120	R236ANG	2 X 36/40	1260	302	95	930.000
	R336ANG	3 X 36/40	1260	605	95	1.430.000
	R436ANG	4 X 36/40	1260	605	95	1.720.000

MĂNG ĐÈN ẨM TRẦN TÂN QUANG AGG (Dùng cho loại trần khoét)

	MÃ SỐ	SỐ BÓNG X CÔNG XUẤT	KÍCH THƯỚC (MM)			ĐƠN GIÁ
			L	W	H	
Máng 60	R218AGG	2 X 18/20	635	334	95	720.000
	R318AGG	3 X 18/20	635	635	95	970.000
	R418AGG	4 X 18/20	635	635	95	1.180.000
Máng 120	R236AGG	2 X 36/40	1260	334	95	970.000
	R336AGG	3 X 36/40	1260	635	95	1.500.000
	R436AGG	4 X 36/40	1260	635	95	1.790.000

MĂNG ĐÈN ẨM TRẦN TÂN QUANG NNG (Lắp nổi)

	MÃ SỐ	SỐ BÓNG X CÔNG XUẤT	KÍCH THƯỚC (MM)			ĐƠN GIÁ
			L	W	H	
Máng 60	R218NNG	2 X 18/20	612	312	95	740.000
	R318NNG	3 X 18/20	612	612	95	1.020.000
	R418NNG	4 X 18/20	612	612	95	1.200.000
Máng 120	R236NNG	2 X 36/40	1226	312	95	1.020.000
	R336NNG	3 X 36/40	1226	612	95	1.570.000
	R436NNG	4 X 36/40	1226	612	95	1.850.000

CHẮN LƯU (18-20W & 36-40W)
Ballast (18-20w & 36-40w)

RLE03/20-40 68.000



TẮC TE
Starter

RLE01 3.200



Chú ý:

- Đơn giá trên không bao gồm bóng
- Đơn giá trên áp dụng cho loại máng dùng chấn lưu điện tử
- Đơn giá với loại máng dùng chấn lưu điện tử, quý khách có thể liên hệ trực tiếp để biết thêm chi tiết

ỐNG LUỐN DÂY PVC

- Được làm từ nhựa PVC chịu được lực nén, lực va đập.
- Độ chịu nhiệt cao nên có khả năng chống cháy tốt.
- Tương thích hoàn toàn với phụ kiện đi kèm.
- Đa dạng về chủng loại và kích thước.
- Sản xuất theo tiêu chuẩn BSEN 500861 - 2



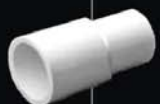
ỐNG LUỐN DÂY ĐIỆN TRÒN PVC VÀ PHỤ KIỆN

ỐNG LUỐN TRÒN PVC PVC conduit

R9016	Ø 16	21.600
R9020	Ø 20	28.500
R9025	Ø 25	43.900
R9032	Ø 32	90.500
R9040	Ø 40	119.000
R9050	Ø 50	136.000
R9063	Ø 63	179.000

MÀNG SÔNG THU Reducer

RM2016	Ø 20 - 16	2.400
RM2520	Ø 25 - 20	3.100
RM3225	Ø 32 - 25	3.500
RM4032	Ø 40 - 32	9.000
RM5040	Ø 50 - 40	12.000



HỘP CHIA NGẮ 1 ĐƯỜNG LOẠI THẤP One - way box

RH16.1	Ø 16	6.200
RH20.1	Ø 20	6.700
RH25.1	Ø 25	7.500



HỘP CHIA NGẮ 2 ĐƯỜNG LOẠI THẤP Two - way box

RH16.2	Ø 16	6.200
RH20.2	Ø 20	6.700
RH25.2	Ø 25	7.500



HỘP CHIA NGẮ 2 ĐƯỜNG VUÔNG GÓC LOẠI THẤP Two - way box

RHTV16.2	Ø 16	6.200
RHTV20.2	Ø 20	6.700
RHTV25.2	Ø 25	7.500



HỘP CHIA NGẮ 3 ĐƯỜNG LOẠI THẤP Three - way box

RH16.3	Ø 16	6.700
RH20.3	Ø 20	7.200
RH25.3	Ø 25	8.200



HỘP CHIA NGẮ 4 ĐƯỜNG LOẠI THẤP Four - way box

RH16.4	Ø 16	6.700
RH20.4	Ø 20	7.200
RH25.4	Ø 25	8.200



HỘP CHIA NGẮ 2 ĐƯỜNG LOẠI CAO Two - way inside intalled box

RH162.S	Ø 16	20.000
RH202.S	Ø 20	22.000
RH252.S	Ø 25	25.000



HỘP CHIA NGẮ 3 ĐƯỜNG LOẠI CAO Three - way inside intalled box

RH163.S	Ø 16	20.000
RH203.S	Ø 20	22.000
RH253.S	Ø 25	25.000



HỘP CHIA NGẮ 4 ĐƯỜNG LOẠI CAO Four - way inside intalled box



RH164.S	Ø 16	20.000
RH204.S	Ø 20	22.000
RH254.S	Ø 25	25.000

NẮP ĐẦY HỘP CHIA NGẮ Box cover



RHN	2.000
------------	--------------

KHỚP NỐI TRÒN Joint



RKN16	Ø 16	1.100
RKN20	Ø 20	1.200
RKN25	Ø 25	1.900
RKN32	Ø 32	2.900
RKN40	Ø 40	11.000
RKN50	Ø 50	16.000
RKN63	Ø 63	16.000

KHỚP NỐI RĂNG Joint



RR16	Ø 16	2.400
RR20	Ø 20	2.800
RR25	Ø 25	3.300
RR32	Ø 32	5.500
RR40	Ø 40	12.000
RR50	Ø 50	18.000

CÚT NỐI CHỮ L CÓ NẮP L - shaped elbow with cover



RLN16	Ø 16	3.600
RLN20	Ø 20	5.200
RLN25	Ø 25	8.500
RLN32	Ø 32	12.000
RLN40	Ø 40	20.000
RLN50	Ø 50	25.000

CÚT NỐI CHỮ L L - shaped elbow



RL16	Ø 16	1.300
RL20	Ø 20	1.900
RL25	Ø 25	3.000
RL32	Ø 32	4.900
RL40	Ø 40	7.500
RL50	Ø 50	10.000

CÚT NỐI CHỮ T CÓ NẮP T - shaped elbow with cover



RTN16	Ø 16	5.200
RTN20	Ø 20	7.200
RTN25	Ø 25	9.200
RTN32	Ø 32	12.000
RTN40	Ø 40	24.000
RTN50	Ø 50	28.000

CÚT NỐI CHỮ T T - shaped elbow



RTC16	Ø 16	1.600
RTC20	Ø 20	3.000
RTC25	Ø 25	4.900
RTC32	Ø 32	6.500
RTC40	Ø 40	8.500
RTC50	Ø 50	11.000



KẸP ĐỠ ỐNG
Support clamp

RK16	Ø 16	1.500
RK20	Ø 20	1.600
RK25	Ø 25	2.300
RK32	Ø 32	3.300
RK40	Ø 40	4.200
RK50	Ø 50	6.900



LÒ XO UỐN ỐNG PVC
Spring for PVC conduit bending

RLX16	Ø 16	78.000
RLX20	Ø 20	87.000
RLX25	Ø 25	109.000
RLX32	Ø 32	147.000
RLX40	Ø 40	255.000
RLX50	Ø 50	300.000

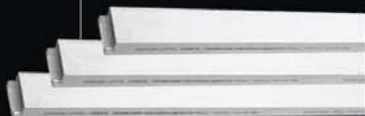


HỘP NỐI TỰ CHỐNG CHÁY
Fire resistant box

R80085	80 x 80 x 50	14.000
R80115	110 x 110 x 50	17.000
R80118	110 x 110 x 80	27.000
R80168	160 x 160 x 80	55.000
R81858	185 x 185 x 80	68.000
R82358	235 x 235 x 80	103.000

ỐNG LUỐN DÂY ĐIỆN DẸT PVC VÀ PHỤ KIỆN

ỐNG LUỐN DẸT PVC (PVC Cable trunking)



RV1408	14 x 08mm	8.100	RV6022	60 x 22mm	61.000
RV1510	15 x 10mm	9.900	RV6040	60 x 40mm	76.000
RV1614	16 x 14mm	12.900	RV8040	80 x 40mm	108.000
RV2414	24 x 14mm	17.200	RV8060	80 x 60mm	159.000
RV2810	28 x 10mm	17.200	RV10027	100 x 27mm	119.000
RV3014	30 x 14mm	23.500	RV10040	100 x 40mm	121.900
RV3918	39 x 18mm	31.000	RV10060	100 x 60mm	199.000



CÚT CHỮ L DẸT (GÓC NGOÀI)
L-shaped elbow (External angle)

RVL15.10/0	15 x 10mm	2.900
RVL24.14/0	24 x 14mm	3.400
RVL39.18/0	39 x 18mm	5.000
RVL60.22/0	60 x 22mm	10.500
RVL60.40/0	60 x 40mm	18.000
RVL80.40/0	80 x 40mm	21.000
RVL100.27/0	100 x 27mm	18.000
RVL100.40/0	100 x 40mm	22.000



CÚT CHỮ L DẸT (GÓC TRONG)
L-shaped elbow (Internal angle)

RVL15.10/1	15 x 10mm	2.500
RVL24.14/1	24 x 14mm	4.200
RVL39.18/1	39 x 18mm	5.800
RVL60.22/1	60 x 22mm	11.000
RVL60.40/1	60 x 40mm	16.500
RVL80.40/1	80 x 40mm	19.000
RVL100.27/1	100 x 27mm	20.000
RVL100.40/1	100 x 40mm	21.000



CÚT CHỮ L DẸT (GÓC VUÔNG)
L-shaped elbow (Right angle)

RVL15.10D	15 x 10mm	2.500
RVL24.14D	24 x 14mm	3.400
RVL39.18D	39 x 18mm	6.700
RVL60.22D	60 x 22mm	11.500
RVL100.27D	100 x 27mm	23.500
RVL100.40D	100 x 40mm	26.000



CÚT CHỮ L DẸT (GÓC TRÒN)
L-shaped elbow (Round angle)

RVL24.14T	24 x 14mm	5.000
RVL39.18T	39 x 18mm	8.500
RVL60.22T	60 x 22mm	19.000
RVL60.40T	60 x 40mm	39.000



CÚT CHỮ T DẸT (ĐỒNG CỖ)
T-shaped elbow (Same size)

RVT15.10	15 x 10mm	2.500
RVT24.14	24 x 14mm	5.000
RVT39.18	39 x 18mm	9.000
RVT60.22	60 x 22mm	12.500
RVT60.40	60 x 40mm	22.000
RVT100.27	100 x 27mm	24.000
RVT100.40	100 x 40mm	27.000



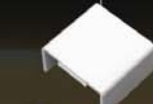
CÚT CHỮ T DẸT (KHÔNG ĐỒNG CỖ)
T-shaped elbow (No same size)

RVT24.39	24x14/39x18mm	6.700
RVT39.60/1	39x18/60x22mm	11.500
RVT39.60/2	39x18/60x40mm	14.000



CÚT THU DẸT
Reducing elbow

RVCT39.24	39x18/24x14mm	2.500
RVCT60.39	60x22/39x18mm	4.800
RVCT100.60	100x27/60x22mm	9.000



CÚT NỐI DẸT
Connection elbow

RVCL24	24 x 14mm	2.500
RVCL39	39 x 18mm	4.900
RVCL60	60 x 22mm	8.500
RVCL100	100 x 40mm	18.000

